TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Oanh và ông Nguyễn Tiến Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên *tham gia phiên toà:* Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX/HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990; HKTT: Thôn K, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988; HKTT: Thôn K, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày như sau:

Chị kết hôn với anh Trần Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 28/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn K, xã T, huyện P. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn khiến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí thỉnh thoảng

anh H còn đánh đập chị. Ngoài ra còn mâu thuẫn với cả mẹ chồng chị, nên đến tháng 7/2013 hai vợ chồng chị đã thuê nhà ở thôn K, xã T, huyện P ra ở riêng. Đến năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng anh H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ gì. Trong thời gian ly thân anh H không hề gọi chị về đoàn tụ, quan điểm của chị là kể cả anh H có gọi chị cũng không về đoàn tụ.

Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn H.

Con chung: Vợ chồng chị hai con chung tên là Trần Kim N sinh ngày 26/01/2013 và Trần Nguyễn Tùng N1 sinh ngày 24/01/2014. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, trong trường hợp không được thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, để anh Hậu nuôi dưỡng cháu N1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hiện nay chị đang làm công nhân với mức thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/1 tháng.

Tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng chị không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trần Văn H trình bày như sau:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn như chị Y khai là đúng. Anh xác nhận chị Y khai là đúng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí khi mâu thuẫn đỉnh điểm anh còn đánh chị Y. Anh xác nhận do anh công việc không ổn định dẫn đến không chăm lo được cho gia đình dẫn đến lý do chị Y làm đơn ly hôn. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh có gọi chị Y về, nhưng chị Y không về thì anh cũng thôi. Anh H xác định tình càm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố lẫn mẹ, anh sẽ đồng ý ly hôn chị Y nếu chị Y đồng ý để anh nuôi cả hai con chung. Trường hợp chị Y kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Trần Kim N sinh ngày 26/01/2013 và Trần Nguyễn Tùng N1 sinh ngày 24/01/2014. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, trong trường hợp không được thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, để chị Y nuôi dưỡng cháu N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hiện nay anh đang làm lao động tự do với mức thu nhập khoảng 15.000.000đồng/1 tháng.

Tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thôn, xã nơi vợ chồng chị Y. anh H cư trú thì mâu thuẫn giữa chị Y anh H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng anh chị ly thân từ đầu năm 2015 đến nay khiến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ còn là hình thức. Việc giải quyết cho hai anh chị ly hôn là để giải phóng cho cả đôi bên.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đây đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghi Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y. Cho chị Y được ly hôn anh H.

Về con chung: Giao con chung là Trần Kim N sinh ngày 26/01/2013 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Nguyễn Tùng N1 sinh ngày 24/01/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Chị Y anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nơi cư trú của bị đơn trên địa bàn huyện P, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Nguyễn Thị Y và anh Trần Văn H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội ngày 28/12/2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 111), quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh chị hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H công việc không ổn định, dẫn đến không chăm lo được cho vợ con khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn trầm trọng anh H còn đánh chị Y khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh chị đã tự ly thân nhau từ đầu năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Qúa trình giải quyết đơn ly hôn của chị Y, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến làm việc để hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Trần Kim N sinh ngày 26/01/2013 và Trần Nguyễn Tùng N1 sinh ngày 24/01/2014. Xét thấy: chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1, để chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không bên nảo phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào; nên giao chị Y trực tiếp chăm sóc cháu N, giao anh H trực tiếp chăm sóc cháu N1, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi nào khác là hợp lẽ. Chị Y, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

4.Về tài sản chung: Chị Y anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về công nợ: Chị Y anh H xác nhận vợ chồng không vay mượn ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét, nếu sau khi ly hôn có tổ chức, cá nhân nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí*:* Chị Nguyễn Thị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định. Căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì chị Y chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Y anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Kim N, sinh ngày 26/01/2013 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Trần Nguyễn Tùng N1, sinh ngày 24/01/2014 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị Y, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Về công nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005287 ngày 28/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội. Chị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trí Tuyển

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THA huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T, huyện P;*
- *Lưu hồ sơ.*